



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 4

Số 30 (01/4/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 12-3-2008 | Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 14-3-2008 | Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố. | 24 |
| 17-3-2008 | Chỉ thị số 04/2008/CT-UBND về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2008. | 33 |

LIÊN TỊCH SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 07-3-2008 | Công văn số 1046/LTSLĐTBXH-LĐLĐTP về hồ sơ đăng ký thang lương, bảng lương của doanh nghiệp. | 37 |
|-----------|--|----|

QUẬN 12

- 07-3-2008 - Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. 39
- 11-3-2008 - Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND-TNMT về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đăng ký cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy trình “một cửa, một dấu” tại Ủy ban nhân dân quận. 45

HUYỆN HÓC MÔN

- 12-3-2008 - Chỉ thị số 02/2008/CT-UBND về nâng cao hiệu quả công tác tổ chức họp tổ nhân dân, tổ dân phố tại các xã - thị trấn. 50

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng
công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 41/2007/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ

tướng Chính phủ thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận, huyện và Thanh tra Xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 11/2005/TT-BXD ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2006/TT-BXD ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 04/2005/CT-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tăng cường kiểm tra chất lượng các công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 13/2006/CT-BXD ngày 23 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tăng cường quản lý chất lượng các công trình xây dựng của chủ đầu tư là tư nhân;

Căn cứ Chỉ thị số 07/2007/CT-BXD ngày 05 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về tăng cường công tác quản lý xây dựng đối với các công trình xây dựng nhà cao tầng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BXD-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Công an hướng dẫn phối hợp xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 281/SXD-QLCLXD, ngày 14 tháng 01 năm 2008 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3392/STP-VB ngày 19 tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm của các ngành, các cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; trách nhiệm của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu, tổ chức và cá nhân có liên quan trong tất cả các hoạt động xây dựng thuộc mọi nguồn vốn đầu tư.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH

Điều 3. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hồ Chí Minh, Sở Xây dựng có trách nhiệm:

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

văn bản hướng dẫn, triển khai các quy định của pháp luật về xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức nghiên cứu tình hình địa chất, địa chất thủy văn và kiến nghị ban hành các quy định về xây dựng công trình ngầm trên địa bàn.

2. Phổ biến, hướng dẫn các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện đầy đủ nội dung các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và của thành phố Hồ Chí Minh về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra định kỳ (theo Phụ lục 2 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng) đối với các công trình xây dựng trọng điểm, quan trọng của thành phố, công trình nếu xảy ra sự cố có thể gây ra thảm họa (quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP) và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và thành phố về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên toàn địa bàn về sự tuân thủ nội dung thẩm định thiết kế cơ sở, của giấy phép xây dựng hay của quyết định đầu tư do cấp có thẩm quyền cấp.

4. Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các quy định của pháp luật về xây dựng đối với những công trình do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng, công trình xây dựng nhà cao tầng, đặc biệt là các công trình có tầng hầm. Xử lý kiên quyết, dứt điểm các vi phạm theo thẩm quyền, kịp thời kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Đối với công trình xây dựng có tầng hầm, Sở Xây dựng chủ trì kiểm tra sự tuân thủ về trình tự thủ tục thẩm tra, thẩm định các bước thiết kế; kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ thiết kế phần móng và thiết kế biện pháp thi công tầng hầm của nhà thầu với tài liệu khảo sát đã được nghiệm thu; yêu cầu khảo sát bổ sung khi thấy cần thiết, nhằm đảm bảo thiết kế biện pháp thi công được an toàn.

5. Hướng dẫn chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình về công tác bảo hành, bảo trì công trình đúng quy định, về nghiệp vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng, đặc biệt là việc giải quyết khi có sự cố xảy ra đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố kết quả giải quyết sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, các nhà thầu thi công, tư vấn.

6. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác cấp giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

7. Tổ chức thực hiện việc giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi có yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

9. Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị quận - huyện, Thanh tra Xây dựng cấp quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về chất lượng công trình xây dựng khi có yêu cầu; xử lý sự cố công trình.

10. Theo dõi, kiểm tra, có hình thức phân loại, đánh giá định kỳ đối với công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; lựa chọn, công bố định kỳ các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng cho các hoạt động xây dựng trên địa bàn; giới thiệu các tổ chức, cá nhân này khi có yêu cầu.

11. Tổ chức, chỉ đạo, quản lý Thanh tra chuyên ngành xây dựng của Sở Xây dựng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; đảm bảo tính hiệu quả, liên thông, tránh chồng chéo và đùn đẩy trong việc thực hiện công việc quản lý về chất lượng công trình xây dựng và giải quyết sự cố công trình xây dựng.

12. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin của cộng đồng dân cư, báo chí cung cấp về nội dung liên quan đến việc vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, Giám đốc Sở Xây dựng phải xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà cộng đồng yêu cầu; báo cáo cơ quan cấp trên những vấn đề vượt thẩm quyền.

Trường hợp công trình xây dựng xảy ra sự cố đột xuất, Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm giải quyết ngay các vấn đề thuộc thẩm quyền hay phối hợp chặt chẽ với những đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật để giải quyết có hiệu quả; báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề vượt thẩm quyền.

13. Tập hợp, thống kê chính xác để có báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn để báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ 6 tháng, 1 năm.

Điều 4. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành bao gồm: Sở Giao thông - Công chính; Sở Công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Bưu chính, Viễn thông. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm:

1. Quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do mình tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở hoặc cấp phép xây dựng.
2. Chủ động thực hiện các công việc nêu tại các khoản 1, 3, 10, 12 Điều 3 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.
3. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các công việc nêu tại các khoản 3, 4, 6 Điều 3 của Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.
4. Thống kê chính xác để có báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng.
5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phải tổ chức bộ phận chuyên trách về quản lý chất lượng công trình xây dựng để giúp Giám đốc Sở thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Điều 5. Các sở, ban, ngành có dự án đầu tư xây dựng

1. Tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc sở, ngành; tổ chức bộ phận theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp công tác quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình.
2. Chủ động phối hợp với Sở Xây dựng và Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra chất lượng công trình, dự án đầu tư xây dựng do sở, ngành mình quản lý.
3. Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc báo cáo đột xuất về tình hình chất lượng công trình xây dựng thuộc sở, ngành quản lý, gửi Sở Xây dựng và Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (đối với công trình xây dựng thuộc các chuyên ngành khác).
4. Chỉ đạo đơn vị quản lý, sử dụng công trình thuộc sở, ngành, tổ chức thực hiện bảo hành, bảo trì công trình xây dựng theo quy trình bảo trì công trình xây dựng tại Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và Thông tư số 08/2006/TT-BXD ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư với các dự án đã tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III**TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP****Điều 7. Ủy ban nhân dân quận - huyện**

1. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Sở Xây dựng (hoặc Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành), tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện nhiệm vụ về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, đặc biệt là năng lực trong hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia.

3. Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các quy định của pháp luật về xây dựng đối với những công trình do Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp giấy phép xây dựng, đặc biệt là công trình xây dựng nhà cao tầng, công trình có tầng hầm. Xử lý kiên quyết, dứt điểm các vi phạm theo thẩm quyền, kịp thời kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

Ban hành kịp thời quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị, Thanh tra Xây dựng quận - huyện phối hợp với Thanh tra Xây dựng cấp thành phố tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ

quy định của giấy phép xây dựng, chú trọng các công trình có tầng hầm, xây chen trong đô thị.

a) Kiểm tra điều kiện năng lực của các nhà thầu tham gia xây dựng công trình. Đối với nhà cao tầng có tầng hầm thì phải kiểm tra kinh nghiệm của nhà thầu trực tiếp thi công xây dựng.

b) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các chủ đầu tư có công trình xây dựng trên địa bàn.

5. Tổ chức kiểm tra đột xuất hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành, hồ sơ nghiệm thu hoàn thành đưa hạng mục công trình, công trình vào sử dụng (theo Phụ lục 2 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng) đối với công trình thuộc dự án đầu tư do quận - huyện, phường - xã, thị trấn quyết định đầu tư.

6. Theo dõi, đề xuất và phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị quản lý nhà, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng kiểm tra, thống kê tình trạng nhà công sở, nhà ở, các khu nhà tập thể, chung cư xuống cấp không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

7. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết và lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng. Đề xuất cho chủ đầu tư hướng giải quyết những hư hỏng công trình lân cận do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản đề nghị Sở Xây dựng hướng dẫn để tổ chức thực hiện.

8. Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng thuộc quận - huyện quản lý. Báo cáo định kỳ 3 tháng một lần danh mục các công trình dự án khởi công xây dựng trên địa bàn (theo mẫu Phụ lục 01) về Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

Điều 8. Trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng cấp quận - huyện

1. Thanh tra Xây dựng quận - huyện là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện công tác thanh tra, các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Thanh tra Xây dựng quận - huyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận, huyện và Thanh tra Xây dựng xã, phường, thị trấn tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và

Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kiên quyết đình chỉ thi công công trình xây dựng có vi phạm pháp luật về xây dựng; xử lý kịp thời, nghiêm minh theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm.

4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm theo thẩm quyền, khi hết thời hạn quy định mà chủ đầu tư không tự phá dỡ hoặc vắng mặt.

Điều 9. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

1. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; phân công lực lượng Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn để theo dõi, tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra quá trình thi công và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Lập danh mục, theo dõi các công trình, dự án khởi công xây dựng trên địa bàn phường - xã, thị trấn (theo mẫu Phụ lục 02), kể cả nhà ở riêng lẻ. Định kỳ 3 tháng một lần báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

3. Phối hợp với Phòng Quản lý đô thị lập danh mục công trình xảy ra sự cố trên địa bàn phường - xã, thị trấn, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện. Theo dõi chất lượng sử dụng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

4. Theo dõi, kiểm tra tình hình xây dựng trên địa bàn. Trường hợp phát hiện công trình không đảm bảo an toàn cho người sử dụng (kể cả công trình nhà ở riêng lẻ hoặc các công trình lân cận công trình đang xây dựng) có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, sụp đổ, phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời, tổ chức di chuyển người, tài sản, đồng thời báo cáo với Thanh tra Xây dựng chuyên ngành quận - huyện hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện để giải quyết, trong thời gian sớm nhất.

5. Ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình khi các đơn vị tham gia xây dựng có hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng nhưng không chấp hành yêu cầu ngưng thi công của Thanh tra viên xây dựng cấp phường - xã; ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị theo thẩm quyền.

6. Tổ chức tốt lực lượng Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn trên địa bàn, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Điều 10. Trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn

1. Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp phường; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp phường thực hiện công tác thanh tra, các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

2. Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương IV**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****Điều 11. Chủ đầu tư xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ**

1. Tổ chức thi công đúng theo giấy phép xây dựng được cấp.
2. Khi cần thay đổi thiết kế, phải tiến hành điều chỉnh giấy phép xây dựng trước khi thực hiện.
3. Chọn đơn vị thiết kế, nhà thầu đủ năng lực, kinh nghiệm để thiết kế, thi công công trình.
4. Nộp đủ thuế xây dựng.
5. Khuyến khích thuê tư vấn giám sát để chủ động ngăn ngừa việc vi phạm chất lượng công trình từ phía nhà thầu.
6. Việc ký kết hợp đồng với các đơn vị thiết kế, thi công xây dựng phải đảm bảo chặt chẽ, đặc biệt đối với chất lượng công trình xây dựng.

Điều 12. Chủ đầu tư xây dựng công trình khác

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng được quy định tại các Chương III, IV, V của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, Nghị định số 41/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Phải chọn nhà thầu đủ năng lực, kinh nghiệm cho tất cả các hoạt động xây dựng.
3. Phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng và tổ chức giám sát công tác khảo sát xây dựng; kiểm tra, nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo các quy định của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

4. Lập nhiệm vụ thiết kế, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BXD (đối với công trình phải thi tuyển thiết kế kiến trúc).

5. Chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán đối với công trình xây dựng theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP; sản phẩm thiết kế phải được nghiệm thu theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và ký, đóng dấu xác nhận tính pháp lý của sản phẩm thiết kế (theo mẫu Phụ lục 1D, Thông tư số 12/2005/TT-BXD).

6. Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực tự thực hiện các công việc nêu tại khoản 2, 3, 4 Điều này thì phải thuê tư vấn đủ năng lực để giúp thực hiện hoặc thẩm tra thiết kế, triển khai thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

7. Chủ đầu tư có thể thành lập Ban Quản lý dự án hoặc thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án theo quyết định của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 35 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP; đối với công trình sửa chữa hoặc xây dựng mới có quy mô nhỏ, đơn giản có vốn đầu tư dưới 1 tỷ đồng, chủ đầu tư có thể không lập Ban Quản lý dự án nhưng phải được sự chấp thuận của người quyết định đầu tư. Chủ đầu tư phải cử người quản lý dự án và thuê các tổ chức tư vấn thiết kế, giám sát thi công xây dựng để giúp thực hiện.

8. Kiểm tra và thực hiện đầy đủ các điều kiện trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng; có trách nhiệm thông báo khởi công công trình với Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tại nơi xây dựng công trình theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trường hợp công trình có tầng hầm, chủ đầu tư phải tiến hành thăm dò xác định hiện trạng các công trình ngầm hiện có, yêu cầu nhà thầu trình biện pháp chi tiết để thi công tầng hầm; biện pháp bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và công trình bên trên (nếu có), an toàn cho người và cộng đồng; biện pháp bảo đảm các yêu cầu về thông gió, chiếu sáng, thoát nước, phòng chống cháy nổ, thoát hiểm và bảo vệ môi trường thông qua tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát. Nếu phức tạp, chủ đầu tư có thể tổ chức hội đồng gồm cán bộ kỹ thuật của các đơn vị tham gia xây dựng, có thể mời thêm các chuyên gia khác để xem xét thông qua.

9. Khi có đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Điều 62 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, chủ đầu tư tự tổ chức giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP. Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng

theo quy định thì chủ đầu tư giao cho tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng đủ năng lực thực hiện.

10. Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công xây lắp lập sổ nhật ký thi công xây dựng công trình. Chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư, giám sát tác giả thiết kế, nhà thầu thi công xây lắp phải ghi vào sổ nhật ký theo các nội dung quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và Thông tư số 12/2005/TT-BXD.

Chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tư vấn thiết kế cung cấp quy trình bảo trì công trình và thực hiện công tác giám sát tác giả theo Điều 22 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP. Quy trình bảo trì là một thành phần của tài liệu thiết kế, do đó, chủ đầu tư phải có trách nhiệm thẩm định và phê duyệt quy trình bảo trì như đối với bước thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công trước khi tổ chức nghiệm thu sản phẩm thiết kế theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

11. Tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, các hạng mục công trình và công trình xây dựng theo các Điều 23, 24, 25, 26 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP. Đối với những công việc xây dựng khó khắc phục khiếm khuyết khi triển khai các công việc tiếp theo (như thi công phần ngầm, phần khuất, các hạng mục công trình chịu lực quan trọng), chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thiết kế cùng tham gia nghiệm thu.

12. Thường xuyên kiểm tra và đôn đốc công tác giám sát thi công xây dựng do Ban Quản lý dự án, tổ chức tư vấn quản lý dự án và nhà thầu giám sát thi công xây dựng thực hiện.

13. Tổ chức bàn giao công trình cho chủ sở hữu, chủ sử dụng công trình sau khi đã nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định. Chủ đầu tư phải yêu cầu nhà thầu thiết kế, nhà sản xuất thiết bị công trình cung cấp quy trình vận hành, sử dụng, bảo trì công trình, thiết bị để giao cho chủ sở hữu, chủ sử dụng, phục vụ cho công tác vận hành, sử dụng, bảo trì công trình, thiết bị.

14. Tổ chức thực hiện bảo hành công trình xây dựng, bao gồm: kiểm tra tình trạng công trình, phát hiện tình trạng hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình kịp thời sửa chữa, thay thế; giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình; xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình.

15. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

16. Chịu trách nhiệm thuê tổ chức đủ năng lực thực hiện việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình, đối với công trình xây dựng khi xảy ra sự cố có thể gây ra thảm họa được quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP. Các công trình thuộc đối tượng này phải có giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng mới được đưa vào sử dụng.

17. Mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

18. Lập báo cáo về tình hình chất lượng công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD, gửi Sở Xây dựng để quản lý, theo dõi và kiểm tra.

19. Đề xuất xử phạt các tổ chức, cá nhân khi có vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Điều 13. Nhà thầu khảo sát xây dựng

1. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng kết quả khảo sát được quy định tại Chương III của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, yêu cầu về khảo sát xây dựng công trình ngầm đô thị theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 41/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chỉ được ký kết hợp đồng thực hiện các công việc khảo sát phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động khảo sát xây dựng công trình.

3. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính trung thực và chính xác của kết quả khảo sát; phải bồi thường thiệt hại khi:

a) Thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát;

b) Khảo sát sai thực tế gây phát sinh khối lượng;

c) Sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng không phù hợp;

d) Các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi khảo sát gây ra trong niên hạn sử dụng công trình.

4. Yêu cầu chủ đầu tư tổ chức giám sát việc khảo sát theo quy định.

5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng thiết kế được quy định tại Chương IV của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, yêu cầu về thiết kế xây dựng công trình ngầm đô thị theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chỉ được nhận thầu thiết kế xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng công trình, năng lực hành nghề thiết kế xây dựng công trình đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về chất lượng thiết kế xây dựng công trình và phải bồi thường thiệt hại khi đề ra nhiệm vụ khảo sát hoặc sử dụng thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong thiết kế không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng và các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi thiết kế gây ra trong niên hạn sử dụng công trình. Tùy theo mức độ vi phạm còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, đặc biệt là đối với công trình thi công xây dựng tầng hầm, nhà cao tầng.

5. Lập quy trình bảo trì công trình xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì công trình xây dựng tương ứng.

6. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 15. Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng giám sát thi công xây dựng công trình. Nhiệm vụ và trách nhiệm của nhà thầu tư vấn giám sát được quy định tại Chương V của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chỉ được nhận thầu giám sát thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình, năng lực hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình.

3. Thực hiện công việc giám sát theo đúng hợp đồng đã ký kết.

4. Không được thông đồng với nhà thầu thi công xây dựng, với chủ đầu tư xây dựng công trình hoặc có các hành vi vi phạm khác làm sai lệch kết quả giám sát, ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

5. Bồi thường thiệt hại do:

a) Người giám sát làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế;

b) Công việc giám sát không tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng gây ra các hư hỏng, sự cố công trình.

6. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

Điều 16. Nhà thầu thi công xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng được quy định tại Chương V của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, yêu cầu về thi công xây dựng công trình ngầm đô thị theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chỉ được nhận thầu thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng.

3. Phải thực hiện khảo sát bổ sung để lập thiết kế biện pháp thi công bảo đảm an toàn và chỉ được khởi công xây dựng khi đã có giải pháp thi công đảm bảo an toàn được duyệt và có đủ các điều kiện khác theo quy định hiện hành.

4. Lập hệ thống quan trắc biến dạng công trình và công trình lân cận. Khi có dấu hiệu bất thường phải tạm dừng thi công và báo cho chủ đầu tư để tìm biện pháp xử lý; nếu cố tình không thông báo để gây ra sự cố thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

5. Chịu trách nhiệm quản lý chất lượng thi công xây dựng ở các nội dung sau: lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng; thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường; thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, sản phẩm xây dựng; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng hoàn thành; chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu.

Thi công xây dựng công trình có tầng hầm phải có kế hoạch khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như gặp tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bực đất, nhằm đảm bảo an toàn cho người, phương tiện thi công, cho công trình và các công trình lân cận; phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, trình tự công việc và có chế độ thường xuyên kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn trong suốt quá trình thi công. Khi gặp sự cố bất thường phải có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư và các bên liên quan để có biện pháp xử lý kịp thời.

6. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận và do các nhà thầu phụ thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây ra hư hỏng công trình xây dựng, sự cố công trình. Tùy theo mức độ vi phạm còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Trong thời gian bảo hành, phải tổ chức khắc phục ngay các hư hỏng do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng, cung ứng và lắp đặt thiết bị trong công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình.

8. Mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 17. Chủ sở hữu, đơn vị hoặc người quản lý sử dụng công trình

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng được quy định tại Chương VI của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Trong thời gian bảo hành, có trách nhiệm xem xét phát hiện hư hỏng, yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị sửa chữa, thay thế. Trường hợp các nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có quyền lấy kinh phí từ tiền bảo hành để thuê nhà thầu khác thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy trình bảo trì công trình xây dựng. Đối với các công trình xây dựng đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu, đơn vị hoặc chủ quản lý sử dụng công trình phải thuê tổ chức tư vấn kiểm định lại chất lượng công trình xây dựng và lập quy trình bảo trì công trình xây dựng theo Thông tư số 08/2006/TT-BXD ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định.

Điều 18. Cơ quan cấp trên đơn vị quản lý sử dụng công trình

1. Hướng dẫn, chỉ đạo đơn vị quản lý sử dụng công trình tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ các quy định về quản lý khai thác sử dụng công trình của đơn vị quản lý sử dụng, để có những chỉ đạo kịp thời, tránh công trình khai thác sai công năng, xuống cấp, mất an toàn.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện, đơn vị quản lý sử dụng công trình kiểm tra, thống kê tình trạng chất lượng công trình không đảm bảo an toàn cho người sử dụng, có giải pháp xử lý cụ thể, báo cáo với cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình chất lượng công trình đang sử dụng thuộc phạm vi quản lý; kịp thời báo cáo các công trình

không đảm bảo an toàn cho việc vận hành, khai thác, sử dụng về Sở Xây dựng, Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Chế độ báo cáo về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở có công trình xây dựng chuyên ngành; Sở, ngành có dự án đầu tư xây dựng; Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo theo mẫu của Bộ Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng mỗi năm 2 kỳ: kỳ 1 trước ngày 15 tháng 6 và kỳ 2 trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

2. Chủ đầu tư báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư số 12/2005/TT-BXD, gửi Sở Xây dựng, đồng thời gửi Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (nếu là công trình xây dựng chuyên ngành) mỗi năm 2 kỳ trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và báo cáo khi hoàn thành công trình xây dựng.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, chuẩn bị báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét thông qua, để báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có hành vi vi phạm pháp luật về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà và Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng, các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng; xác định các tổ chức, cá nhân có nhiều vi phạm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, đề nghị cấp có thẩm quyền không cho phép hoạt động xây dựng có thời hạn hay vĩnh viễn trên địa bàn thành phố.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng củng cố, tăng cường lực lượng Thanh tra Xây dựng của Sở Xây dựng để đáp ứng yêu cầu trong công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận - huyện để tổ chức hướng dẫn thực hiện Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Giao Sở Xây dựng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

Báo cáo tình hình công trình xây dựng trên địa bàn tháng...và.../200..

(Định kỳ 3 tháng/lần vào ngày cuối của từng quý trong năm đối với các công trình xây dựng từ 6 tầng trở lên, nhà ở riêng lẻ của dân không cần báo cáo mục 1 và 3)

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh

UBND quận, huyện..... báo cáo tình hình quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các chủ đầu tư có công trình xây dựng trên địa bàn như sau:

1. Công trình xây dựng khởi công:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng vốn đầu tư	Tên chủ đầu tư/Cấp quyết định đầu tư	Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Tên nhà thầu thi công XD	Hình thức quản lý dự án		Hình thức quản lý chất lượng CTXD		Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
						CĐT trực tiếp quản lý dự án (thành lập BQLDA)	CĐT thuê TVQLDA (tên tổ chức TV)	CĐT tự tổ chức GS	Thuê tổ chức TVGS (tên tổ chức TVGS)	
1										
...										

2. Sự cố công trình xây dựng:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên chủ đầu tư	Tên nhà thầu thi công xây dựng	Tên nhà thầu tư vấn giám sát	Giờ/ngày/tháng xảy ra sự cố	Mô tả tóm tắt sự cố/ Tình hình giải quyết hậu quả sự cố
1							
...							

3. Tình hình kiểm tra chất lượng công trình xây dựng:

TT	Tên công trình được kiểm tra/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên chủ đầu tư	Thành phần Đoàn kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra
1						
...						

Báo cáo tình hình công trình xây dựng trên địa bàn tháng... và .../200..

(Định kỳ 3 tháng/lần vào ngày cuối của từng quý trong năm, kể cả nhà ở riêng lẻ của dân tự xây)

Kính gửi: UBND quận, huyện...

UBND phường, xã.....báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng đối với các chủ đầu tư có công trình xây dựng trên địa bàn như sau:

1. Công trình xây dựng khởi công:

TT	Tên công trình/ Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/ Tổng vốn đầu tư	Tên chủ đầu tư/ Cấp quyết định đầu tư	Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Tên nhà thầu thi công XD	Hình thức quản lý dự án		Hình thức quản lý chất lượng CTXD		Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
						CĐT trực tiếp quản lý dự án (thành lập BQLDA)	CĐT thuê TVQLDA (tên tổ chức TV)	CĐT tự tổ chức GS	Thuê tổ chức TVGS (tên tổ chức TVGS)	
1										
...										

2. Sự cố công trình xây dựng:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên chủ đầu tư	Tên nhà thầu thi công xây dựng	Tên nhà thầu tư vấn giám sát	Giờ/ngày/tháng xảy ra sự cố	Mô tả tóm tắt sự cố/ Tình hình giải quyết hậu quả sự cố
1							
...							

3. Tình hình kiểm tra về đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Thành phố:

TT	Tên công trình được kiểm tra/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên chủ đầu tư	Thành phần Đoàn kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra
1						
...						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động
đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BYT-BNN ngày 04 tháng 01 năm 2006 của Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân công, phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 16/2005/TTLT-BYT-BCN ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Bộ Y tế và Bộ Công nghiệp hướng dẫn phân công, phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2005/TTLT-BYT-BTM ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Bộ Y tế và Bộ Thương mại về quan hệ phối hợp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2005/TTLT-BYT-BTS ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Y tế và Bộ Thủy sản hướng dẫn phân công, phối hợp quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 11/2006/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy chế cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao”;

Xét đề nghị của Sở Y tế thành phố tại Công văn số 7641/SYT-VSATTP ngày 21 tháng 12 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 118/TTr-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo vệ sinh
an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, cơ chế và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Y tế với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thương mại, Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Công an thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện và sự phối hợp của cơ quan có liên quan đối với hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện chỉ đạo xuyên suốt từ thành phố đến quận - huyện, phường, xã - thị trấn tăng cường trách nhiệm và quy định về phân công, phối hợp giữa các ngành và địa phương nhằm đảm bảo có hiệu quả trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm thống nhất công tác quản lý nhà nước về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố, tránh hình thức, chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác này.

2. Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan phối hợp và tuân thủ quy định của pháp luật trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, quy trình bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong phạm vi nhiệm vụ quản lý của đơn vị.

3. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương khách quan trong quá trình phối hợp, cùng phát hiện những điểm bất hợp lý, chưa phù hợp trong việc tổ chức thực hiện để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ, bảo đảm được yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

Điều 4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

Sở Y tế là cơ quan chủ trì giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công nghiệp, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Sở Thương mại, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Công an thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện là cơ quan phối hợp.

Chương II PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chủ trì

1. Xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện công tác, trong đó xác định nhiệm vụ của từng cơ quan phối hợp; tổ chức điều phối các hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Y tế và các cơ quan thẩm quyền về tình hình thực hiện kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện đảm bảo khác cho công tác phối hợp.

3. Tổng hợp và tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

4. Báo cáo đề xuất hoặc giải trình nội dung liên quan cho Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình phối hợp theo quy định trong Quy chế này.

5. Chủ trì tổ chức hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện kiểm tra công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố, thẩm định các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cho các cơ sở tham gia chuỗi thực phẩm an toàn, các chợ đầu mối.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan phối hợp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp theo kế hoạch chuẩn bị của cơ quan chủ trì phối hợp.

2. Cung cấp thông tin có liên quan đến công việc cần phối hợp công tác.

3. Tuân thủ về thời gian góp ý kiến theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, phối hợp và chịu trách nhiệm về các ý kiến của cơ quan mình; cung cấp thông tin, số liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu.

4. Yêu cầu cơ quan chủ trì phối hợp cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết, phục vụ cho công tác phối hợp.

5. Từng đơn vị căn cứ vào kế hoạch và nội dung của Thành phố để triển khai thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về vệ sinh an toàn thực phẩm theo sự phân công và tham gia thực hiện các chiến dịch truyền thông vệ sinh an toàn thực phẩm theo sự phân công.

6. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng kế hoạch kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc phạm vi ngành quản lý, cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm.

7. Phối hợp trong hoạt động thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng kế hoạch thanh tra về vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc phạm vi ngành quản lý, chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xử lý, thu hồi, giám sát, tổ chức tiêu hủy đối với các sản phẩm thực phẩm không có nguồn gốc, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm khi bị phát hiện, tiến hành thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm có lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhiều ngành, khi có dấu hiệu vi phạm các quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

8. Khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra, phối hợp với cơ quan chủ trì xử lý các cơ sở sai phạm thuộc phạm vi quản lý của đơn vị theo quy định pháp luật.

9. Phối hợp trong hoạt động quản lý chuỗi thực phẩm, có kế hoạch triển khai thực hiện hoạt động quản lý các chuỗi thực phẩm an toàn gồm: chuỗi rau an toàn, chuỗi thịt và sản phẩm thịt, chuỗi thủy hải sản; có trách nhiệm giám sát hoạt động của chuỗi thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố, có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định ở Điều 5 Quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với thực phẩm đã qua chế biến, lưu thông trên thị trường, chủ trì phối hợp cùng Sở Thương mại quản lý hoạt động kinh doanh hóa chất, phụ gia thực phẩm trên địa bàn thành phố.

3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao theo quy định tại Quyết định số 11/2006/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

4. Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm theo quy định và phân cấp của Bộ Y tế tại Quyết định số 42/2005/QĐ-BYT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy chế về công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm.

5. Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ quảng cáo sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông và Thông tư liên tịch 01/2004/TTLT-BVHTT-BYT ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Y tế hướng dẫn về hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực y tế.

6. Thiết lập hệ thống thông tin giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm đánh giá tình hình vệ sinh an toàn của các loại thực phẩm được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.

7. Thông báo tên, địa chỉ các cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm.

8. Khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra, có trách nhiệm tổ chức cấp cứu và chữa trị cho người bị ngộ độc, tổ chức điều tra, xác định nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm, sau đó tiến hành thanh tra xử lý các sai phạm.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện việc quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trong suốt quá trình từ sản xuất nuôi trồng, khai thác, thu hái, chế biến, giết mổ, bảo quản, vận chuyển cho đến khi nông sản thực phẩm được đưa ra lưu thông trên thị trường.

2. Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm đối với rau quả, thú y và thủy hải sản bao gồm kiểm dịch hàng ngày trên từng quầy sạp, đơn vị kinh doanh, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, xử lý trứng.

3. Lập kế hoạch xây dựng và phát triển vùng sản xuất nông sản an toàn (vùng rau quả an toàn, vùng chăn nuôi an toàn).

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thương mại

1. Thực hiện việc quản lý nhà nước đối với thực phẩm lưu thông trên thị trường.

2. Kiểm soát điều kiện kinh doanh (mua bán, vận chuyển) thực phẩm tươi sống và chế biến tại các chợ.

3. Kiểm soát việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng hàng hóa; kiểm tra, kiểm soát hàng thật, hàng giả, hàng kém chất lượng, quá hạn sử dụng, nhập lậu không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Phối hợp Sở Y tế quản lý hóa chất phụ gia thực phẩm.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Nghiên cứu, xét duyệt, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất thực phẩm an toàn. Phối hợp quản lý và phát triển các Trung tâm Kiểm nghiệm đạt chuẩn.

2. Triển khai, hướng dẫn, hỗ trợ việc thực hiện các tiêu chuẩn, phương pháp quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thông tin

1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Quản lý việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa thực phẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Kiểm tra, kiểm soát về môi trường, nước thải, rác thải đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

2. Đề xuất và giám sát thực hiện tiêu hủy các sản phẩm thực phẩm, hóa chất phụ gia thực phẩm không đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công nghiệp, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp.

1. Kiểm tra, kiểm soát về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Kiểm tra, kiểm soát về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

2. Xây dựng các mô hình điểm về cung cấp thực phẩm đảm bảo vệ sinh cho các trường học trên địa bàn thành phố, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong các trường học.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Phát hiện, điều tra xử lý và hỗ trợ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và kiểm tra kinh phí chương trình mục tiêu đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và tiền phạt về vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm phục vụ tốt cho hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của thành phố.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận - huyện

1. Trực tiếp quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn quận - huyện; phối hợp với Sở Y tế và các sở - ngành có liên quan để thực hiện quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm theo chức năng chuyên ngành; thực hiện và chỉ đạo thực hiện việc thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cho các cơ sở theo quy định tại Quyết định số 11/2006/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ BÁO CÁO LIÊN NGÀNH

Điều 18. Sở Y tế là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố, có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch, báo cáo của các sở -

ngành để trình Ban Chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 19. Chế độ hội họp

Định kỳ 3 tháng 1 lần, Ban Chỉ đạo liên ngành họp để đánh giá kết quả thực hiện chương trình, lập kế hoạch và đề ra phương hướng nhiệm vụ thời gian tới; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để có những chỉ đạo kịp thời phù hợp với tình hình thực tế.

Trường hợp đột xuất, Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành sẽ triệu tập họp bất thường để giải quyết.

Điều 20. Chế độ báo cáo

Các sở - ngành, đoàn thể, quận - huyện báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế các hoạt động tổ chức, triển khai thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, (có nhận định, đánh giá, khó khăn tồn tại và hướng giải quyết), theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

Sở Y tế báo cáo bằng văn bản cho Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan chức năng khác về hoạt động đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Sở Y tế và các sở - ngành có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, bất cập cần phải điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp, Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2008

CHỈ THỊ

Về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2008

Thực hiện Chỉ thị số 17/2006/CT-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, năm 2007 phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng của thành phố đã có nhiều cố gắng và chuyển biến tích cực; trong đó phong trào thi đua đặc biệt năm 2007 của thành phố phát động đã góp phần thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng (14/14 chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra), tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 12,6% cao nhất trong 10 năm gần đây, tạo đà phát triển và hoàn thành kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

Nhằm phát huy hơn nữa những kết quả đạt được trong năm 2007, đồng thời để thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố lần thứ 9 khóa VIII và Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua tại kỳ họp lần thứ 12 khóa VII về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2008; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan đơn vị thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức phát động các phong trào thi đua trong năm 2008 với những nội dung trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 39/CT-TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 21 tháng 5 năm 2004 về việc đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực hơn nữa của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố; Chỉ thị số 17/2006/CT-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

2. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 22 tháng 12 năm 2007 của Ban Bí thư Trung ương về kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11 tháng 6 năm 1948 - 11 tháng 6 năm 2008) và tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống thi đua yêu nước 11 tháng 6 hàng năm; Thông tri số 13-TT/TU ngày 22 tháng 01 năm 2008 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương và Kế hoạch số 1156/KH-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2008), trên cơ sở đó xây dựng chương trình, kế hoạch và phát động phong trào thi đua tại ngành, đơn vị mình.

3. Phát động phong trào thi đua sâu rộng trong các cấp, các ngành, trên mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, hướng vào các mục tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII và Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp lần thứ 12 - khóa VII đề ra trong năm 2008, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng từ 12,7% đến 13%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (tính cả dầu thô) tăng 15%, tổng thu ngân sách đạt 98.070,200 tỷ đồng, tổng chi ngân sách 18.594,758 tỷ đồng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Đồng thời thực hiện có hiệu quả năm chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

4. Tổ chức thật tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, gắn với công tác tuyên truyền cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cho cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm về vai trò tác dụng của phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay; biến nhận thức thành hành động cụ thể tạo động lực mạnh mẽ trong các phong trào thi đua.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thể chế và cải tiến thủ tục hành chính; gắn cải cách hành chính với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tích cực xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể các cấp trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước. Đẩy mạnh các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và tạo nguồn nhân lực của thành phố bảo đảm “Trung thành, tận tụy, gương mẫu, sáng tạo, giỏi chuyên môn” tạo diện mạo mới cho chính quyền các cấp trong xây dựng Chính quyền đô thị.

6. Giữ vững ổn định an ninh - chính trị, đảm bảo trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên cơ sở xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng Công an nhân dân ngày càng vững mạnh, chính quy, từng bước hiện đại và phát động sâu rộng phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” gắn với phong trào “quân chúng bảo vệ an ninh tổ quốc”, nhằm phấn đấu giảm các vụ trọng án, các tệ nạn xã hội, nhất là các tệ nạn ma túy và các vụ phạm pháp hình sự, giảm thiểu tai nạn giao thông... để xây dựng thành phố ngày càng văn minh, hiện đại.

7. Trên cơ sở bài học kinh nghiệm đã được tổng kết từ thực tiễn các phong trào thi đua, cần làm tốt việc phổ biến, tuyên truyền, giới thiệu các gương điển hình để học tập, nhân rộng, tạo sự lan tỏa thành các phong trào hành động cách mạng trong cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ - chiến sĩ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố. Thông qua phong trào để phát hiện các điển hình và nhân tố mới để có kế hoạch bồi dưỡng và đề nghị các hình thức khen thưởng xứng đáng, kịp thời để động viên.

8. Tổ chức thực hiện:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội căn cứ tính chất, nhiệm vụ, nội dung của phong trào thi đua để phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối Đại đoàn kết toàn dân trong việc vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân thành phố tích cực hưởng ứng và thực hiện phong trào thi đua đạt được hiệu quả thiết thực, để phong trào thi đua yêu nước thực sự là phong trào hành động cách mạng của quần chúng, là động lực tác động tích cực trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của thành phố năm 2008.

Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố có nhiệm vụ phối hợp với các Thành viên Hội đồng Thi đua và Khen thưởng thành phố tổ chức kiểm tra, đôn đốc và báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình triển khai thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng Thi đua và Khen thưởng thành phố trong việc tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong năm 2008, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực cho phong trào thi đua năm 2008.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, cơ quan, đơn vị thuộc thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hàng 6 tháng

và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

LIÊN TỊCH SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**LIÊN TỊCH SỞ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
- LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
THÀNH PHỐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1046/LTSLĐTBXH-
LĐLĐTP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2008

Về hồ sơ đăng ký thang lương,
bảng lương của doanh nghiệp

Kính gửi: - Liên đoàn Lao động quận, huyện;
- Công đoàn Ngành, Sở, Khó, Tổng Công ty
và cấp trên tương đương;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
quận, huyện.

Thực hiện Thông tư số 28/2007/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi Thông tư số 13/2003/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 14/2003/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 05 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 114/2002/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về tiền lương, quy định: hồ sơ đăng ký thang lương, bảng lương phải có ý kiến tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời trong doanh nghiệp (được thể hiện bằng văn bản riêng), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố thống nhất yêu cầu các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố thực hiện nội dung này như sau:

1. Đối với các doanh nghiệp đã có tổ chức Công đoàn:

Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời tổ chức họp thảo luận về hệ thống thang lương, bảng lương doanh nghiệp xây dựng và

có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Giám đốc doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ đăng ký thang lương, bảng lương theo quy định.

2. Đối với các doanh nghiệp đã đủ điều kiện thành lập tổ chức Công đoàn nhưng chưa thành lập Công đoàn cơ sở, doanh nghiệp phải liên hệ Liên đoàn Lao động quận, huyện, Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố nơi Công ty có trụ sở chính để được hướng dẫn thành lập.

3. Đối với các doanh nghiệp đã có Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời nhưng chưa khắc dấu, doanh nghiệp liên hệ Công đoàn cấp trên cơ sở để được xác nhận chữ ký của Chủ tịch Công đoàn cơ sở lâm thời trong văn bản thể hiện ý kiến về thang lương, bảng lương.

4. Đối với các doanh nghiệp không đủ điều kiện thành lập tổ chức Công đoàn theo quy định:

Doanh nghiệp liên hệ Liên đoàn Lao động quận, huyện, Công đoàn các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố nơi công ty có trụ sở chính để được xác nhận doanh nghiệp không đủ điều kiện thành lập tổ chức Công đoàn.

5. Hồ sơ đăng ký thang lương, bảng lương nhất thiết phải có văn bản thể hiện sự tham gia đóng góp ý kiến của tổ chức Công đoàn. Do vậy, đề nghị các doanh nghiệp tùy vào tình hình cụ thể của doanh nghiệp, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản Liên tịch này.

Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị các doanh nghiệp phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố (Phòng Lao động - Tiền lương - Tiền công), số 159 Pasteur, quận 3, điện thoại: 8.202.634 - 8.222.409 hoặc Liên đoàn Lao động thành phố, số 14 Cách Mạng Tháng Tám, quận 1, điện thoại: 8.290.825 hoặc Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, địa chỉ số 35 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, điện thoại: 8.232.575 hoặc Liên đoàn Lao động quận, huyện hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện (Phòng Văn hóa - Xã hội quận, huyện) nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để được hướng dẫn./.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỦ TỊCH**

**SỞ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Huy Cận

Lê Thành Tâm

QUẬN 12

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2008/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 07 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi một số điều của của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000 và 29 tháng 4 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 và Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Thực hiện công văn số 8521/UBND-VX ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức; Công văn số 63/CV-SNV ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Sở Nội vụ về hướng dẫn nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nâng bậc lương

trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức
và viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 12)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đây là quy định về chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ, nhằm động viên cán bộ, công chức, viên chức thi đua lao động sáng tạo, có sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng

1. Đối tượng:

1.1. Cán bộ, công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế và xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ trong các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

1.2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong chỉ tiêu biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp bao gồm:

- Những người hợp đồng làm việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính.

- Những người được hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và đã được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

1.3. Cán bộ chuyên trách, công chức thuộc định biên trả lương của phường được

Ủy ban nhân dân quận giao theo quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn:

2.1. Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ tại thời điểm giữ bậc lương đã được cấp có thẩm quyền khen thưởng, tôn vinh, đánh giá (quyết định công nhận bằng văn bản) theo các hình thức sau:

- Huân, Huy chương các loại;
- Anh hùng lao động;
- Bằng khen;
- Danh hiệu vinh dự nhà nước;
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc, chiến sĩ thi đua cấp bộ, chiến sĩ thi đua cấp thành phố.
- Phát minh, sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố công nhận;
- Đề tài, dự án khi đưa vào áp dụng, nghiên cứu, nghiệm thu được đánh giá đạt hiệu quả cao.

2.2. Chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và còn thiếu từ 01 tháng đến 12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng so với thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo quy định. Không được thực hiện nâng hai lần hoặc hai bậc trong thời gian giữ một bậc lương.

2.3. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều này được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá 5% tổng số cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế trả lương của cơ quan, đơn vị.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Tiêu chuẩn về lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức để làm căn cứ xét nâng bậc lương trước thời hạn như sau:

Thực hiện chế độ nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức đạt các thành tích:

- Được khen thưởng bằng các hình thức Huân, Huy chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ;
- Được phong tặng Anh hùng lao động, được Nhà nước trao tặng danh hiệu vinh dự;
- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành;
- Có đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố công nhận và đánh giá cao;
- Được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố vì đã có thành tích xuất sắc trong hai năm liền kề;
- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Việc bình xét và đề nghị cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ phải theo các nguyên tắc sau:

1. Đảm bảo tính công bằng, dân chủ, công khai và đoàn kết.
2. Thực hiện đúng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này. Không nhất thiết phải đề nghị cho đủ chỉ tiêu hoặc không nhất thiết năm nào cũng có người được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn.
3. Mỗi thành tích chỉ áp dụng để xét nâng bậc lương trước thời hạn một lần.
4. Nếu có nhiều cán bộ, công chức, viên chức ngang nhau về cấp độ thành tích thì thứ tự ưu tiên để đề nghị và xem xét quyết định như sau:
 - Cán bộ, công chức, viên chức ngoài thành tích cao nhất được phong tặng, tặng thưởng đã xét còn có thành tích khác cũng được phong tặng, tặng thưởng;
 - Cán bộ, công chức, viên chức ngoài chuyên môn, nghiệp vụ chuyên trách còn kiêm nhiệm công tác đảng, đoàn thể của cơ quan, đơn vị;
 - Cán bộ, công chức, viên chức có tuổi đời từ 55 trở lên đối với nam; 50 tuổi trở lên đối với nữ;
 - Thứ tự ưu tiên theo chức vụ: người không giữ chức vụ, người có hệ số phụ cấp chức vụ thấp đến người có phụ cấp chức vụ cao hơn;
 - Thứ tự ưu tiên theo ngạch lương: ngạch nhân viên thừa hành, C, B, A0, A1, A2, A3.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn được nêu tại Quy định này:

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trao đổi với cấp Ủy và Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp để thống nhất các tiêu chí cụ thể về thành tích của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, làm cơ sở xét chọn những trường hợp được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn;

- Danh sách cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn phải được Hội đồng lương của cơ quan, đơn vị thông qua từng trường hợp và được thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị.

- Hội đồng lương cơ quan, đơn vị lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn của cơ quan, đơn vị kèm theo bản sao các quyết định khen thưởng, phong tặng, đánh giá và quyết định lương đang hưởng của cán bộ, công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Quy định này được công khai trong cơ quan, đơn vị và căn cứ xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phối hợp Chủ tịch Công đoàn cùng cấp phổ biến Quy định này đến cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Nội vụ để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/QĐ-UBND-TNMT

Quận 12, ngày 11 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đăng ký cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy trình “một cửa, một dấu”
tại Ủy ban nhân dân quận**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế “một cửa” tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4461/QĐ-UB-NC ngày 22 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và làm việc của Ủy ban nhân dân quận, huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh theo cơ chế “một cửa, một dấu”;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 82/TTr-TNMT ngày 26 tháng 02 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy trình “một cửa, một dấu” tại Ủy ban nhân dân quận.

Điều 2. Bãi bỏ áp dụng các quy định tại Điều 12, Điều 13 thuộc Chương II của Quyết định số 174/2006/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 12 về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ hành chính theo quy trình “một cửa, một dấu” tại Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đăng ký cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy trình “một cửa, một dấu” tại Ủy ban nhân dân quận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND-TNMT ngày 11 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 12)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Việc tiếp nhận - thụ lý - giao trả hồ sơ cho các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo cơ chế “một cửa” tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận (gọi tắt là Bộ phận TN&TKQ).

Điều 2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, nhận và giao trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đúng nguyên tắc “một lần”; trường hợp hồ sơ cần bổ sung, điều chỉnh, trong thời gian 03 ngày, cơ quan chuyên môn có hướng dẫn đầy đủ một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ mà bản sao các giấy tờ liên quan chưa được chứng thực, cán bộ, công chức, nhân viên làm việc tại Bộ phận TN&TKQ có trách nhiệm đối chiếu bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

- Cơ sở chưa hoạt động (dự án mới) và không thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo Phụ lục I, II Nghị định số 80/2006/NĐ-CP của Chính phủ): phải thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường trước khi triển khai hoạt động.

- Cơ sở đang hoạt động và có nhu cầu xác nhận đăng ký cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

Chương II

THỦ TỤC, THỜI GIAN GIẢI QUYẾT, PHÍ - LỆ PHÍ

Điều 5. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

1. Đối tượng: Các cơ sở chưa đi vào hoạt động (dự án) và không thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo Phụ lục I, II Nghị định số 80/2006/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Thành phần hồ sơ:

- Công văn đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (01 bản theo mẫu của Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - gọi tắt là Thông tư 08);

- Bản cam kết bảo vệ môi trường (03 bản theo mẫu Thông tư 08);

- Bản dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc báo cáo giải trình đầu tư của dự án) (01 bản).

3. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

4. Lệ phí: không thu phí (hiện chưa có hướng dẫn, thực hiện thu khi được cấp thẩm quyền hướng dẫn).

Điều 6. Xác nhận đăng ký bản cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường (khi có nhu cầu xác nhận về môi trường)

1. Đối tượng: Các cơ sở đang hoạt động và có nhu cầu xác nhận về môi trường.

2. Thành phần hồ sơ:

- Công văn đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường (01 bản theo mẫu tương tự Phụ lục 24 của Thông tư 08);

- Báo cáo giám sát hiện trạng môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, sản xuất của đơn vị và cam kết thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, các biện pháp xử lý, khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm (báo cáo có thời hạn 6 tháng) (02 bản theo mẫu tương tự Phụ lục 23 của Thông tư 08);

- Kết quả quan trắc chất lượng môi trường (đo đạc các thông số môi trường) trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở do đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện (kết quả đo môi trường có giá trị trong 6 tháng).

3. Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

4. Lệ phí: không thu phí (hiện chưa có hướng dẫn, thực hiện thu phí khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các phường và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận thực hiện các nội dung của Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, các tổ chức, cá nhân gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận và Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo, đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân quận xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Hồ

HUYỆN HỌC MÔN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỌC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2008/CT-UBND

Hóc Môn, ngày 12 tháng 3 năm 2008

CHỈ THỊ

**Về nâng cao hiệu quả công tác tổ chức họp tổ nhân dân,
tổ dân phố tại các xã - thị trấn**

Trong những năm qua, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn đã tổ chức họp tổ nhân dân, tổ dân phố định kỳ để phổ biến, thông tin đến nhân dân những chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn và vận động nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, đóng góp công sức xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật địa phương. Nhiều xã - thị trấn đã thực hiện tốt công tác này, tạo được nề nếp ổn định trong sinh hoạt tổ nhân dân, tổ dân phố, nâng cao tinh thần tự giác của nhân dân trong việc tham gia xây dựng kinh tế - xã hội huyện.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, công tác tổ chức họp tổ nhân dân, tổ dân phố ở một số đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên và không đạt hiệu quả theo yêu cầu đề ra. Một số yếu kém bộc lộ trong công tác này như:

Không huy động được nhân dân tham gia sinh hoạt đều đặn (mỗi buổi họp nhiều nhất chỉ có khoảng 50% số hộ dân tham gia); nội dung sinh hoạt nghèo nàn thông tin; một số chủ trương, chính sách lớn chậm thông tin đến người dân; các ý kiến phản ánh của người dân cũng chưa được cơ sở ghi nhận kịp thời.

Để khắc phục những tồn tại trên, cùng với việc tích cực thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, vận động nhân dân nghiêm chỉnh thực thi pháp luật, tự giác tham gia các cuộc vận động lớn góp phần phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội huyện, Ủy ban nhân dân huyện chỉ thị:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn:

a) Có kế hoạch chấn chỉnh ngay chất lượng hoạt động của Ban nhân dân ấp, Ban

điều hành khu phố, tổ trưởng tổ nhân dân, tổ dân phố và đổi mới công tác sinh hoạt, họp tổ nhân dân, tổ dân phố trên địa bàn xã - thị trấn; định kỳ hàng tháng tổ chức sinh hoạt tổ nhân dân, tổ dân phố vào ngày rằm (ngày 15 âm lịch hàng tháng). Khi thời tiết không thuận lợi tổ chức họp vào ngày rằm có thể tổ chức họp sau ngày rằm từ 1 đến 3 ngày.

b) Xây dựng nội dung sinh hoạt tổ nhân dân, tổ dân phố để phổ biến đồng loạt cho nhân dân vào các kỳ họp, trong đó, cần nêu cụ thể những vấn đề thiết thực đối với quyền, nghĩa vụ của nhân dân; các thông tin cần thiết về các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định của Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

c) Cử cán bộ giám sát, đôn đốc công tác sinh hoạt tổ nhân dân, tổ dân phố, cập nhật tình hình công tác này để có cơ sở xét tiêu chuẩn áp, khu phố tiên tiến, văn hóa hàng năm.

2. Các phòng, ban huyện, các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc huyện:

Cung cấp các thông tin, những nội dung có liên quan đến quyền, lợi ích của nhân dân theo từng lĩnh vực của đơn vị mình phụ trách gửi về Ủy ban nhân dân huyện (gửi thông qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chậm nhất trước ngày rằm hàng tháng 5 ngày) để Ủy ban nhân dân huyện có chỉ đạo xây dựng nội dung chương trình phổ biến cho nhân dân trong các buổi sinh hoạt tổ nhân dân, tổ dân phố, trong đó:

a) Phòng Tư pháp: tổng hợp và cung cấp các nội dung ngắn gọn cần phổ biến cho nhân dân về các luật và các văn bản dưới luật trên các lĩnh vực, lưu ý tập trung vào các chuyên đề phổ biến pháp luật, thời điểm thông tin, báo cáo trong tháng, trong quý, trong năm.

b) Các phòng, ban huyện, các đơn vị hành chính sự nghiệp của huyện, Ngân hàng Chính sách xã hội Hóc Môn đưa các thông tin thật ngắn gọn, cụ thể, tập trung vào các vấn đề sau:

Những vấn đề cải cách hành chính, cải cách tư pháp; các chính sách ưu đãi về vốn, về cơ chế hỗ trợ nhân dân về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi hoặc phát triển các ngành nghề phù hợp sự phát triển kinh tế - xã hội huyện; các ưu đãi cho dân nghèo về y tế, giáo dục, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm; việc thực hiện các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực; các chính sách, quy định về đất đai, xây dựng; thông tin về các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở địa phương có sự tham

gia giám sát và đóng góp công sức của nhân dân; vấn đề môi trường và thực hiện nếp sống văn minh đô thị; tình hình an ninh trật tự tại địa phương và những vấn đề khác có liên quan thiết thực đến cuộc sống của nhân dân...

c) Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao: tham mưu Ủy ban nhân dân huyện văn bản phân công các thành viên Ban Chỉ đạo Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư cấp huyện và xây dựng kế hoạch phối hợp Ban Chỉ đạo Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa các xã - thị trấn kiểm tra công tác sinh hoạt tổ nhân dân, tổ dân phố tại xã - thị trấn để đôn đốc, nhắc nhở những đơn vị chưa làm tốt và biểu dương, khen thưởng những đơn vị thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này trong quá trình xét công nhận ấp, khu phố tiên tiến, văn hóa.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm xây dựng nội dung chương trình chung của huyện, gửi Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn trước ngày rằm để giúp các xã - thị trấn tổ chức phổ biến trong cuộc họp dân; giúp Ủy ban nhân dân huyện cập nhật tình hình thực hiện chế độ thông tin của các cơ quan, đơn vị cấp huyện để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở đánh giá, xếp loại thi đua các đơn vị hàng năm trong việc thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Các cơ quan, phòng, ban trực thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tiến

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng